

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST

Ngày: 10-7-2020.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BẮC KẠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Anh Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Văn Mạo**.

2. Bà **Đỗ Thị Láng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Ưu** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 02/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội.**

Người đại diện hợp pháp: Ông **Đình Việt C**, sinh năm 1984. Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn. (Theo giấy ủy quyền số: 97/QĐ-NHCS ngày 03/6/2020 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B). Có mặt.

Địa chỉ: T5, thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

*** Bị đơn:** Ông **Dương Văn H**, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Địa chỉ: T18, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông **Đình Việt C** trình bày:

Ngày 27/4/2009, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã cho Ông Dương Văn H, có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã Kh, huyện B, tỉnh Bắc Kạn vay số tiền 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 23/4/2009 có mã số món vay là 040065KD01; mã khách hàng 21.09.040065; Mục đích mua trâu, chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn; lãi suất 0,9%/tháng; Lãi suất quá hạn 1,17%/ tháng; thời hạn cho vay 36 tháng; thời hạn trả nợ ngày 10/4/2012. Trong thời gian vay vốn, ông Dương Văn H không trả bất kỳ một đồng tiền lãi nào, mặc dù Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã nhiều lần lập biên bản đôn đốc thu hồi nợ. **Trong Thông báo về việc chuyển toàn bộ số tiền 30.000.000 đồng sang nợ quá hạn là ngày 18/4/2012. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ông H thì ngày tính lãi quá hạn là từ ngày 11/4/2012, nhưng do khâu đánh máy bị sai sót nên thông báo chuyển lãi quá hạn lại đề ngày 18/4/2012, nay yêu cầu ông H phải trả nợ lãi quá hạn kể từ ngày 11/4/2012 theo như hợp đồng đã ký kết.**

Khi đến thời hạn trả nợ ông Dương Văn H không trả cho ngân hàng mặc dù đã được ngân hàng đôn đốc trả nợ. Phòng giao dịch của Ngân hàng chính sách đã có nhiều văn bản đôn đốc ông H trả nợ cho ngân hàng và các biên bản làm việc cụ thể đó là: Biên bản đôn đốc thu hồi nợ quá hạn ngày 26/12/2015, Biên bản đối chiếu, xác nhận nợ ngày 16/01/2016, Công văn 168/CV-NHCS ngày 03/11/2016 về việc yêu cầu trả nợ quá hạn, lãi tồn, Biên bản làm việc ngày 20/3/2017. Đến năm 2015, Ông Dương Văn H chuyển đi khỏi địa phương đến cư trú tại T18, Phường S, Thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh B đã phối hợp với chính quyền địa phương Phường S, Thành phố B, tỉnh Bắc Kạn đôn đốc ông Dương Văn H trả nợ, bản thân Ông Dương Văn H đã ý kiến cam kết trả nợ, nhưng đến nay Ông Dương Văn H vẫn không chấp hành nghĩa vụ trả nợ theo cam kết.

Tổng số nợ ngân hàng yêu cầu ông Dương Văn H phải trả trong đơn khởi kiện là: 72.256.502^d (*Bảy mươi hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm linh hai đồng*), trong đó nợ gốc là: 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*), nợ lãi là 42.256.502^d (*Bốn mươi hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm linh hai đồng*). Tại phiên tòa ngày 10/7/2020 tổng số nợ ngân hàng yêu cầu ông Hiệt phải trả là: 74.577.727 đồng (*Bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng*), trong đó: Nợ gốc: 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*), nợ lãi là 44.577.727 đồng (cách tính như sau: Lãi trong hạn tính theo Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Ngân hàng Nhà nước: tính từ ngày 27/4/2009 đến ngày 10/4/2012 là 1063 ngày x 0,9% = 9.567.000 đồng; lãi quá hạn tất cả là 35.010.727 đồng, chia thành ba thời điểm: Tính theo Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Ngân hàng Nhà nước: tính từ ngày 11/4/2012 đến ngày 31/7/2013 là 470 ngày x 1,17% = 5.499.000 đồng; Tính theo văn bản số 2687/NHCS-BDA ngày 30/7/2013 của Ngân hàng Chính sách xã hội: tính từ ngày 01/8/2013 đến ngày 31/12/2017

là $1613 \text{ ngày} \times 14,04 \% = 18.872.100 \text{ đồng}$; Tính theo văn bản số 5589/NHCS-KTTC ngày 29/12/2017 của Ngân hàng Chính sách xã hội: tính từ ngày 01/01/2018 đến ngày 10/7/2020 là $922 \text{ ngày} \times 14,04 \% = 10.639.627 \text{ đồng}$).

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Dương Văn H trình bày:

Ngày 27/4/2009, ông Dương Văn H có vay Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn số tiền 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*) theo Hợp đồng tín dụng số 040065KD01; Mục đích mua trâu; lãi suất 0,9%/tháng; thời hạn cho vay 36 tháng; thời hạn trả nợ ngày 10/4/2012. Trong thời gian vay vốn, do khó khăn nên ông H chưa trả cho ngân hàng bất kỳ một đồng tiền lãi nào. Phía Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B, tỉnh Bắc Kạn đã nhiều lần gặp ông Hiệt để làm việc, lập biên bản đôn đốc thu hồi nợ.

Đến năm 2015, ông H chuyển đến cư trú tại T18, Phường S, Thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Bắc Kạn cũng đã đến nhà đôn đốc ông H trả nợ. Nay Ngân hàng yêu cầu khởi kiện trả nợ cho ngân hàng số tiền Nợ gốc: 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*) và lãi suất ông H hoàn toàn nhất trí, nhưng do hoàn cảnh khó khăn ông H chưa có điều kiện trả nợ cho ngân hàng.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

* *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn Dương Văn H tuy nhiên bị đơn đã có lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy việc vắng mặt của bị đơn không ảnh hưởng quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật.

* *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 49, Điều 51, Điều 54, Điều 56 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết như sau:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Dương Văn H phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam nợ gốc và lãi theo quy định.

Về khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật

về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Dương Văn H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Ông Dương Văn H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Xác định quan hệ pháp luật: Ngân hàng Chính sách xã hội là tổ chức tín dụng và đã ký kết hợp đồng cho ông Dương Văn H vay số tiền 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng) với mục đích để mua trâu phục vụ sản xuất, chương trình vay vốn hộ nghèo. Mục đích của các bên không phải kinh doanh thu lợi nhuận nên xác định đây là tranh chấp dân sự với quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

1.2. Xác định về thẩm quyền giải quyết vụ án: Trong vụ án này, tại văn bản làm việc ngày 20/3/2017 giữa Ngân hàng chính sách xã hội và ông Dương Văn H đã thỏa thuận khi có tranh chấp thì lựa chọn Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn sẽ là cơ quan giải quyết tranh chấp; Mặt khác, tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng tín dụng giữa ngân hàng và ông Dương Văn H, nơi ký kết và thực hiện hợp đồng là ở huyện B, tỉnh Bắc Kạn và nguyên đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện B để khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, g khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

1.3. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn ông Dương Văn H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng ký kết ngày 23/4/2009 có mã số món vay là 040065KD01; mã khách hàng 21.09.040065; Số tiền vay là 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng); Mục đích mua trâu, chương trình cho vay hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn; lãi suất 0,9%/tháng; Lãi suất quá hạn 1,17%/tháng; thời hạn cho vay 36 tháng; thời hạn trả nợ ngày 10/4/2012. Hợp đồng ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, đảm bảo đúng theo các quy định của pháp luật. Sau khi ký kết hợp đồng ngân hàng ngày 27/4/2009 đã giải ngân cho ông H số tiền 30.000.000^d (Ba mươi triệu đồng).

Về quá trình thanh toán các khoản nợ: Từ khi giải ngân 27/4/2009 cho đến nay ông Dương Văn H chưa thanh toán bất kỳ đồng nào cho ngân hàng, mặc dù phía

ngân hàng đã ra các văn bản đôn đốc ông H trả nợ nhiều lần cũng như đến làm việc trực tiếp với ông H nhưng ông H không trả được nợ cho ngân hàng.

Phía bị đơn ông Dương Văn H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng khi hợp đồng vay đã hết hạn là vi phạm hợp đồng đã ký kết. Do vậy, Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu ông H phải trả toàn bộ số tiền ông H còn nợ ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Dương Văn H phải có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng và các khoản nợ lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi ông Dương Văn H thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với ngân hàng, cụ thể:

Tại thời điểm khởi kiện ngày 19/02/2020, ông Dương Văn H còn nợ Ngân hàng Chính sách xã hội tổng số tiền là: 72.256.502^d (*Bảy mươi hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm linh hai đồng*), trong đó nợ gốc là: 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*), nợ lãi là 42.256.502^d (*Bốn mươi hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn năm trăm linh hai đồng*). Tại thời điểm mở phiên tòa ngày 10/7/2020, Ngân hàng Chính sách xã hội yêu cầu ông Dương Văn H phải trả nợ tổng số tiền là: 74.577.727 đồng (*Bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng*), trong đó: Nợ gốc: 30.000.000^d (*Ba mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là 9.567.000^d (*Chín triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*); lãi quá hạn là 35.010.727^d (*Ba mươi lăm triệu không trăm mười nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng*).

Về khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[3] *Về án phí*: Ông Dương Văn H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[5] *Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa*: Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết như đã nêu ở phần nội dung của vụ án là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 40, Điều 147, 228, 264, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 478 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 49, Điều 51, Điều 54, Điều 56 của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997 sửa đổi, bổ sung năm 2004; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Chính sách xã hội đối với bị đơn Dương Văn H về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Buộc ông Dương Văn H phải trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 10/7/2020 là 74.577.727^d (*Bằng chữ: Bảy mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi bảy nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng*), trong đó: Nợ gốc: 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*), nợ lãi trong hạn là 9.567.000^d (*Chín triệu năm trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*); nợ lãi quá hạn là 35.010.727^d (*Ba mươi lăm triệu không trăm mười nghìn bảy trăm hai mươi bảy đồng*).

Ông Dương Văn H phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí:

Ông Dương Văn H phải chịu 3.728.886^d (*Ba triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện B;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOạ PHIÊN TOạ**

Hoàng Anh Tuấn